TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2026/DS-PT
Ngày: 20-4-2026
V/v: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật, tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Huyền Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Hoàng Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 101/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật, tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng) bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 112/TB-PT ngày 23-3-2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1992; địa chỉ: số G Ngõ A Chùa B, phường K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh T1 sinh năm 1983; địa chỉ: số A T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền số 700/2026/CCGD ngày 27-01-2026.

Bị đơn: bà Trần Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: số A, tổ dân phố G, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị D, sinh năm 1963; địa chỉ: số G H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 13-7-2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Anh Đỗ Đức Q, sinh năm 1998; địa chỉ: số G Ngõ A Chùa B, phường K, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Đỗ Trần Quyết T2, sinh năm 2007; địa chỉ: số A, tổ dân phố G, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1966; địa chỉ: số G Ngõ A Chùa B, phường K, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Trần Thị X, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn B, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ngân hàng N - Chi nhánh L4, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp: bà Vũ Thị Chi L2, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách.

Địa chỉ: số G H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở L5, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị Kim D1, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: đường H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T, bị đơn bà Trần Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 14/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10-6-2024.

Ông T2, bà D, bà L có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T trình bày:

Năm 1991, bố chị Đỗ Thị Thu T là ông Đỗ Hữu C có đăng ký kết hôn với mẹ chị T là bà Bùi Thị L1 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống, bố mẹ chị T có hai người con gồm chị là Đỗ Thị Thu T và em trai là Đỗ Đức Q. Cũng trong quá trình chung sống bố mẹ chị T có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 1653 và 1657 tờ bản đồ 15, có diện tích 518m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 318m^2 đất trồng cây lâu năm) được cấp giấy chứng nhận QSD đất số T272832 do UBND huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07-

5-2002 mang tên chủ sử dụng là hộ Đỗ Hữu C (năm 2019 hai thửa đất này được gộp chung và chỉnh lý thành thửa 400, tờ bản đồ 78, diện tích 533,8m^2, được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019); hiện trạng trên đất có căn nhà cấp bốn: 01 tầng, diện tích 80m^2 và một số cây trồng trên đất.

Đến năm 2004, do mâu thuẫn nên bố mẹ chị T không chung sống với nhau nữa nên mẹ chị T đã đưa chị T và em trai là Đỗ Đức Q về Bắc sinh sống, tại thời điểm này bố mẹ chị T không thỏa thuận việc chia khối tài sản chung.

Vào khoảng năm 2005 bố chị T kết hôn với bà Trần Thị L sinh thêm được một người con là Đỗ Trần Quyết T2, sinh năm 2007; hai người không sống cùng nhau, bố chị T sống trên căn nhà thuộc thửa 400, tờ bản đồ 78 tại thị trấn Đ, huyện L; còn bà L sống căn nhà bên cạnh. Đến ngày 19-12-2021, bố chị Đỗ Thị Thu T mất do tại nạn giao thông. Trước khi mất bố chị T đang nộp đơn ly hôn với bà L và đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà thụ lý giải quyết. Vì bố chị T mất đột ngột nên không để lại di chúc và ông bà nội của chị T đã mất trước thời điểm bố chị T mất, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của bố chị T gồm: chị T, em trai là Đỗ Đức Q, bà Trần Thị L và Đỗ Trần Quyết T2.

Do đó, chị Đỗ Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố chị T là ông Đỗ Hữu C theo quy định của pháp luật gồm: ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 533,8m^2 thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 đứng tên ông Đỗ Hữu C) và các khoản trợ cấp, thanh toán bảo hiểm xã hội liên quan đến tử tuất của ông Đỗ Hữu C số tiền khoảng 147.000.000 đồng; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L4, tỉnh Lâm Đồng đứng tên chủ tài khoản số 5404205069880 là ông Đỗ Hữu C số tiền gửi khoảng 77.000.000 đồng chia đều cho các hàng thừa kế của ông C gồm bà L, chị T, anh Q, cháu T2; chị Đỗ Thị Thu T đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Bị đơn bà Trần Thị L ủy quyền cho bà Phạm Thị D trình bày:

Bà L kết hôn với ông Đỗ Hữu C ngày 19-4-2004. Sau khi kết hôn bà L và ông C ở nhờ bên nhà mẹ đẻ bà L để kinh doanh hàng tạp hóa. Quá trình chung sống bà L và ông C có một con chung là Đỗ Trần Quyết T2 sinh ngày 19-9-2007. Trước khi kết hôn với bà L, ông C đã có một đời vợ là bà Bùi Thị L1 có hai người con chung là chị Đỗ Thị Thu T và anh Đỗ Đức Q. Năm 1994, ông C và bà L1 ly hôn. Tại thời

điểm kết hôn với bà L (năm 2004) thì ông C có tài sản là diện tích đất là 518m^2 thuộc thửa 1653, 1657 tờ bản đồ số 15, thị trấn Đ, huyện L. Đất được cấp giấy CNQSD đất số T272832 do UBND huyện L cấp ngày 07-5-2002; trên đất có căn nhà cấp 4 tọa lạc tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tài sản này ông C đang thế chấp tại Ngân hàng N - Chi nhánh L4, tỉnh Lâm Đồng để vay số tiền là 15.000.000 đồng; theo hợp đồng thế chấp thì bên Ngân hàng thẩm định trị giá tài sản là 21.953.000 đồng; đến hạn, ông C không trả được nợ nên Ngân hàng thông báo sẽ phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Vì vậy, bà Trần Thị L đã vay mượn tiền đưa cho ông C để trả cho Ngân hàng để chuộc tài sản thế chấp. Tổng số tiền bà L đưa cho ông C là 37.700.000 đồng; trong đó trả nợ Ngân hàng khoảng 20.000.000 đồng còn lại ông C trả nợ cho một số cá nhân. Vì là vợ chồng, xác định chung sống với nhau lâu dài nên sau khi trả nợ Ngân hàng xong, ông C lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về bà L đã không yêu cầu ông C đưa tên bà L vào chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19-12-2021, ông C chết không để lại di chúc.

Nay chị Đỗ Thị Thu T khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản của ông Đỗ Hữu C để lại cho các đồng thừa kế gồm: chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q, bà Trần Thị L và cháu Đỗ Trần Quyết T2. Tài sản gồm: ½ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với thửa đất số 400, tờ bản đồ số 78, diện tích 533,8m^2 có giấy CNQSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 (thửa cũ là thửa 1653, 1657 tờ bản đồ số 15, thị trấn Đ, huyện L); các khoản trợ cấp, thanh toán bảo hiểm xã hội liên quan đến tử tuất của ông C số tiền khoảng 147.000.000 đồng; tài khoản 5404205069880 tiền gửi tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L4, tỉnh Lâm Đồng đứng tên chủ tài khoản là ông Đỗ Hữu C số tiền gửi khoảng 77.000.000đ bà L không đồng ý.

Ngày 16-5-2022, bà Trần Thị L có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: thanh toán công sức đóng góp của bà L trong việc duy trì tài sản mà ông C để lại đối với diện tích đất thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L trị giá công sức đóng góp tương ứng bằng ½ khối tài sản này.

Thanh toán các chi phí mai táng cho ông C số tiền khoảng 90.000.000 đồng; thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung của bà L và ông C là cháu Đỗ Trần Quyết T2 kể từ sau ngày ông C qua đời cho đến khi cháu T2 trưởng thành, mỗi tháng 2.000.000 đồng (khoảng 44 tháng), tương ứng với số tiền 88.000.000 đồng.

Các khoản trợ cấp với số tiền là 147.000.000 đồng; T3 gửi tại Ngân hàng A số tiền là 77.000.000 đồng và ½ di sản còn lại sau khi trừ chi phí chi phí trên bà L đề

nghị chia đều cho 4 đồng thừa kế, phần của bà và cháu T2 là ½ giá trị và bà L đề nghị xin nhận bằng hiện vật. Ngoài ra, bà Trần Thị L không có yêu cầu gì khác.

Ngày 08-12-2023, bà Trần Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu thanh toán công sức đóng góp của bà L trong việc duy trì tài sản mà ông C để lại đối với diện tích đất thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L trị giá công sức đóng góp tương ứng bằng ½ khối tài sản này và rút yêu cầu thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung của bà L và ông C số tiền là 88.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị L1 trình bày: bà xác định diện tích đất thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 78, diện tích 533,8m^2 có giấy CNQSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2021 (cũ là thửa 1653, 1657 tờ bản đồ số 15) tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là tài sản chung của bà và ông Đỗ Hữu C.

Năm 1991, bà kết hôn với ông Đỗ Hữu C tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống thì bà và ông C có hai người con chung là Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1992 và Đỗ Đức Q, sinh năm 1998. Thời điểm chung sống bà L1 và ông C tạo lập, có khối tài sản là diện tích đất và căn nhà tại thửa 306, tờ bản đồ 17 với diện tích 436m^2 được cấp giấy chứng nhận QSD đất số B723372 vào năm 1993 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu C. Sau đó ông bà bán thửa đất này cho Công ty cổ phần X1 (do ông Nguyễn Đức H làm đại diện) với số tiền chuyển nhượng là 138.000.000 đồng. thời điểm này do con còn nhỏ và bận nhiều công việc gia đình nên bà L1 và ông C thống nhất để ông C ký xác nhận và đại diện đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng, trong phần ký xác nhận có chữ ký của bà L1. Sau đó vợ chồng bà L1, ông C lên thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng với số tiền có được sau khi bán thửa đất trên thông qua ông Phạm Văn T4 thì vợ chồng bà L1, ông C mua mảnh đất diện tích 518m^2 thuộc thửa 1653, 1657 tờ bản đồ số 15 thị trấn Đ, huyện L, trên đất có căn nhà cấp bốn và chuồng trại nuôi heo với giá 128.000.000 đồng của ông Trần Đức T5 và bà Nguyễn Thị L3. Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên thì do con còn nhỏ nên bà L1 để ông C đứng tên và tiến hành các thủ tục để được cấp giấy CNQSD đất số T272832 do UBND huyện L cấp ngày 07-5-2002 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu C. Sau khi ông Đỗ Hữu C qua đời thì bà L1 mới biết hai thửa đất nêu trên được gộp thành thửa thửa đất số 400, tờ bản đồ số 78, diện tích 533,8m^2 có giấy CNQSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 đứng tên ông Đỗ Hữu C.

Tại thời điểm mua thửa đất 1653, 1657 tờ bản đồ số 15, thị trấn Đ, huyện L thì bà L1 đã sống với ông C cải tạo lại đất và xây dựng công trình đến năm 2004 do mâu thuẫn nên cả hai quyết định chia tay nhưng không yêu cầu chia tài sản chung,

mà thống nhất để lại tài sản cho các con. Kể từ thời điểm bà L1 ra Bắc sinh sống thì giữa bà L1 và ông C vẫn liên lạc với nhau, cả hai thống nhất cho thuê diện tích đất trên để lấy tiền cho các con ăn học.

Do đó, bà đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung gồm ½ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 533,8m^2 thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 đứng tên ông Đỗ Hữu C) cho bà L1 theo quy định của pháp luật. Số di sản còn lại của ông Đỗ Hữu C đề nghị yêu cầu chia cho các đồng thừa kế của ông Đỗ Hữu C.

Anh Đỗ Đức Q trình bày:

Năm 1991, bố anh Đỗ Đức Q là Đỗ Hữu C kết hôn với mẹ anh Q là bà Bùi Thị L1 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và lần lượt sinh chị anh Q là chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1992 và anh Đỗ Đức Q, sinh năm 1998.

Sau đó bố mẹ anh Q bán đất ở huyện Đ chuyển về thị trấn Đ, huyện L; tại đây bố mẹ anh Q mua lại thửa đất số 1653 và 1657 tờ bản đồ 15, có diện tích 518m^2 được cấp giấy chứng nhận QSD đất số T272832 do UBND huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07-5-2002 mang tên hộ ông Đỗ Hữu C (năm 2019 hai thửa đất này được gộp chung và chỉnh lý thành thửa 400, tờ bản đồ 78, diện tích 533,8m^2, được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019). Bố mẹ anh Q sống ổn định trên thửa đất trên đến năm 2004 do bố mẹ anh Q mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau và mẹ anh Q đã đưa chị T và anh Q ra ngoài Bắc sinh sống. Thời điểm này mẹ anh Q chỉ dẫn chị em anh Q đi mà không mang theo bất cứ thứ gì, cũng không phân chia khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bố anh Q.

Năm 2005, bố anh Q kết hôn với bà L, hai người sinh được 01 người con chung là Đỗ Trần Quyết T2, hai người không sống cùng nhau, bố anh Q sống trên căn nhà thuộc thửa 400, tờ bản đồ 78 tại thị trấn Đ, huyện L; còn bà L sống căn nhà bên cạnh.

Ngày 01-7-2021 bố anh Q nộp đơn ly hôn với bà Trần Thị L gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, trong đơn khởi kiện ly hôn cũng đã thể hiện rất rõ ràng là tài sản trên không liên quan đến bà Trần Thị L; vụ án đang được giải quyết ông C bị tai nạn và mất đột ngột không để lại di chúc. Do đó, anh Q thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn chị T, đề nghị Tòa án phân chia phần di sản này theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Trần Quyết T2 có bà Trần Thị L người đại diện hợp pháp trình bày: thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Trần Thị L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị X trình bày: bà là chị gái của bà L, khoảng tháng 10 năm 2004 bà có cho vợ chồng ông C, bà L mượn 10 chỉ vàng 24k để nuôi heo và đến tháng 12 năm 2004 mượn thêm 16 chỉ vàng 24k. Nay liên quan đến yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Sau này bà L giải quyết xong việc thì bà L sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà, nếu bà L không trả thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Lâm Đồng trình bày: theo số tài khoản 5404205069880 chủ tài khoản ông Đỗ Hữu C, địa chỉ tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Số dư trong tài khoản là 80.921.522 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Bảo hiểm xã hội huyện Lâm Hà (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L), tỉnh Lâm Đồng trình bày: Bảo hiểm xã hội cơ sở L5 cung cấp thông tin hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của ông Đỗ Hữu C như sau: ông Đỗ Hữu C, sinh ngày 01-4-1963; mã số BHXH 6809001861, có tổng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đến hết tháng 12 năm 2021 là 12 năm 05 tháng. Đơn vị công tác trước khi nghỉ: Ban Q1, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tính đến ngày 15-4-2024, thì thân nhân của ông Đỗ Hữu C chưa nộp hồ sơ thanh toán chế độ Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội cơ sở L5, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào dữ liệu quản lý thì Bảo hiểm xã hội huyện L5 tạm tính tổng số tiền giải quyết chế độ tử tuất một lần đối với thân nhân ông Đỗ Hữu C là 84.913.610 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại Bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng) xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật"* với bị đơn bà Trần Thị L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Đức Q, anh Đỗ Trần Quyết T2, bà Bùi Thị L1, Bảo hiểm xã hội huyện L, tỉnh Lâm Đồng, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L4, tỉnh Lâm Đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1 về việc yêu cầu chia ½ di sản của ông Đỗ Hữu C để lại là diện tích đất 533,8m^2 thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu thanh toán cầu thanh toán công sức đóng góp của bà L trong việc duy trì tài sản mà ông Đỗ Hữu C để lại đối với diện tích đất thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị

trấn Đ, huyện L trị giá công sức đóng góp tương ứng bằng ½ khối tài sản này và yêu cầu thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 88.000.000 đồng; tiền chi phí mai táng của ông Đỗ Hữu C là 75.985.000 đồng.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này của đương sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Đỗ Hữu C là 04 người gồm bà Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2.

4.1. Trong tổng giá trị di sản mà ông Đỗ Hữu C để lại là 7.573.942.608 đồng; được chia cho 04 kỷ phần 7.654.864.130 : 4 = 1.893.485.652 đồng, mỗi kỷ phần là 1.893.485.652 đồng.

Chế độ Bảo hiểm xã hội tử tuất một lần đối với thân nhân của ông Đỗ Hữu C là 84.913.610 : 4 = 21.228.402 đồng; mỗi kỷ phần được hưởng là 21.228.402 đồng.

Số tiền trong tài khoản số 5404205069880 chủ tài khoản ông Đỗ Hữu C là 80.921.522 : 4 = 20.230.380 đồng; mỗi kỷ phần được hưởng là 20.230.380 đồng.

4.2. Giao cho bà Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2 được liên hệ, tiến hành các thủ tục để nhận số tiền chế độ tử tuất một lần đối với thân nhân ông Đỗ Hữu C là 84.913.610 đồng theo mã số BHXH 6809001861 tại Bảo hiểm xã hội huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Mỗi người được nhận 21.228.402 đồng

4.3. Giao cho bà Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2 được liên hệ, tiến hành các thủ tục để nhận số tiền là 80.921.522 đồng tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L4, tỉnh Lâm Đồng. Mỗi người được nhận là 20.230.380 đồng.

4.4. Giao diện tích đất 533,8m^2 và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 cho bà Trần Thị L được quyền quản lý, sử dụng. (phần đất có giá 7.470.000.000 đồng; phần nhà có giá 103.942.608 đồng; tổng giá trị tài sản là 7.573.942.608 đồng).

4.5. Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch tài sản phân chia thừa kế cho hàng thừa kế còn lại của ông Đỗ Hữu C gồm: Chị Đỗ Thị Thu T số tiền là 1.893.485.652 đồng; anh Đỗ Đức Q số tiền là 1.893.485.652; anh Đỗ Trần Quyết T2 số tiền là 1.893.485.652 đồng.

Đối với kỷ phần của anh Đỗ Trần Quyết T2 cần giao cho bà Trần Thị L quản

lý kỷ phần này của anh T2 theo quy định của pháp luật.

4.6. Buộc chị Đỗ Thị Thu T phải giao lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09/01/2019 đứng tên ông Đỗ Hữu C cho bà Trần Thị L.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14-5-2024, chị Đỗ Thị Thu T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết huỷ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị, phân chia di sản cho chị bằng hiện vật.

Ngày 27-5-2024, bà Trần Thị L, kháng cáo một phần bản án yêu cầu sửa bản án chia cho bà và cháu T2 ½ diện tích đất 533,8m², thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 78, thị trấn Đ, huyện L; chia cho chị T và anh Q ½ diện tích đất 533,8m², thuộc thửa 400, tờ bản đồ số 78, thị trấn Đ, huyện L. Hai bên đứng tên đồng sử dụng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp không được Toà án chấp nhận bà đề nghị cấp phúc thẩm chia cho bà và cháu T2 bằng tiền để mẹ con bà mua đất khác xây nhà ở.

Ngày 14-5-2024, bà Bùi Thị L1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết huỷ bản án sơ thẩm.

Ngày 10-6-2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 13-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 13-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà về phần án phí; buộc bà Bùi Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; hủy một phần bản án tuyên anh Đỗ Đức Q được nhận di sản thừa kế của ông Đỗ Hữu C và phần án phí anh Q phải chịu. Giao giá trị kỷ phần thừa kế của anh Q được nhận theo quy định cho bà Trần Thị L quản lý; Anh Q được quyền yêu cầu Tòa án buộc bà L giao lại di sản cho anh Q bằng một vụ án khác khi có tranh chấp.

Tại phiên tòa,

Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, đồng ý nhận bằng hiện vật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại yêu cầu độc lập của bà L1 đề nghị xác định tài sản chung của ông C, bà L1 đối với cả nhà và đất, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý đối với diện tích đất là không đúng không đảm bảo quyền lợi của bà L1 nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện của bị đơn thay đổi một phần kháng cáo đồng ý giao hiện vật cho chị T và buộc chị T thanh toán lại giá trị 01 kỷ phần cho bà L, 01 kỷ phần cho anh T2 vì hiện nay anh T2 đã trưởng thành.

Bà Bùi Thị L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và rút một phần kháng nghị về phần án phí.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bà L1; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị T, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; sửa bản án sơ thẩm: xác định giá trị phần di sản mà anh Đỗ Đức Q được hưởng theo quy định pháp luật và tạm giao phần quyền được hưởng này cho chị T quản lý, chị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Q khi anh có yêu cầu. Chia cho nguyên đơn bà T được nhận hiện vật là diện tích là 533,8m^2 thuộc thửa 400, tờ bản đồ 78 trong đó có 200 m^2 đất ở và 333,8 m^2 đất trồng cây lâu năm trên đất có 01 căn nhà cấp 4, một số cây trồng trên đất và có trách nhiệm thanh toán lại cho bà L, anh T2 mỗi người được nhận số tiền 1.893.485.652 đồng là giá trị của 01 kỷ phần và giải quyết án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quy định. Đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị Thu T, bà Bùi Thị L1, bà Trần Thị L; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong thời hạn luật định và đúng thủ tục quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút một phần kháng nghị đối với phần án phí buộc bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] Xét kháng cáo của chị Đỗ Thị Thu T, bà Bùi Thị L1, bà Trần Thị L, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thấy rằng:

[2.1] Ông Đỗ Hữu C chung sống với bà Bùi Thị L1 sinh được hai người con chung là Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1992 và Đỗ Đức Q, sinh năm 1998. Năm 1994,

ông C và bà L1 ly hôn. Năm 2004, ông C kết hôn với bà Trần Thị L sinh được 01 người con chung là Đỗ Trần Quyết T2, sinh năm 2007. Bố mẹ ông C chết trước ông C. Ngoài ra, ông C không có con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay bố mẹ nuôi. Năm 2021, Đỗ Hữu C chết không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm bà L, chị T, anh Q, anh T2 là có căn cứ.

[2.2] Về tài sản tranh chấp:

Diện tích 518m^2 thuộc thửa số 1653; số 1657 tờ bản đồ 15 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T272832 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 07-5-2002 cho hộ ông Đỗ Hữu C được cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CQ 456524 cho ông Đỗ Hữu C chỉnh lý thành thửa 400, tờ bản đồ 78 có diện tích 533,8m^2 ngày 09-01-2019 và bà L thừa nhận đây là tài sản riêng của ông Đỗ Hữu C. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận những tình tiết này, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không cần phải chứng minh.

Xét yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1 cho rằng đây là tài sản chung giữa bà và ông C thì thấy: diện tích đất trên có nguồn gốc ông C nhận chuyển nhượng của ông Trần Đức T5, bà Nguyễn Thị L3 vào năm 2002, sau khi ly hôn với bà L1. Năm 1991, ông C, bà L1 đăng ký kết hôn tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1994, bà và ông C ly hôn. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn số 09/QĐTT ngày 18-10-1994 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng (bút lục 150) thể hiện: *"...Công nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc chia tài sản chung như sau: giao cho chị Bùi Thị L1 sở hữu 01 ti vi màu 20 inh; 02 cái quạt bàn; 0,5m^3 gỗ trai; 01 chiếc xe đạp. Anh C có quyền sở hữu những tài sản còn lại trong gia đình và có trách nhiệm thanh toán nợ của Ngân hàng và của các cá nhân mà hai vợ chồng đã nợ khi còn chung sống".* Như vậy, tại thời điểm ly hôn các bên đã giải quyết xong phần tài sản chung.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn chị T cho rằng năm 2000 ông C và bà L1 đã đăng ký kết hôn lại và có 01 người con là Đỗ Đức Q nên tài sản này bà L1 cũng có công sức tạo lập. Tuy nhiên, tại văn bản số 352/UBND-VP ngày 13-3-2026 của Ủy ban nhân dân xã Đ đã xác nhận trong sổ đăng ký kết hôn từ năm 1995 đến năm 2003 không có thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Bùi Thị L1 sinh năm 1966 và ông Đỗ Hữu C sinh năm 1961 nên lời trình bày này không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, ngày 10-10-2018, ông Đỗ Hữu C có đơn đề nghị đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Lý do biến

động cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất và theo số liệu đo đạc chỉnh lý năm 2018; điều chỉnh nội dung thông tin tên chủ sử dụng đất trong giấy chứng nhận. Ngày 09-01-2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L ban hành Quyết định số 20/QĐ-STNMT về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T272832 cấp ngày 07-5-2002. Ngày 09-01-2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CQ 456524 cho ông Đỗ Hữu C chỉnh lý thành thửa 400, tờ bản đồ 78 có diện tích 533,8m^2. Quyền sử dụng đất trên đã được thay đổi chủ sử dụng đất và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định xác nhận và cấp đổi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không còn là tài sản của hộ gia đình ông C mà là của cá nhân ông C.

Do đó, không có căn cứ xác định phần diện tích nhà, đất trên là tài sản chung của ông C, bà L1. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ xác định diện tích 533,8m^2 thuộc thửa 400, tờ bản đồ 78 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 ngày 09-01-2019 cho ông Đỗ Hữu C tại thị trấn Đ, huyện L, (nay là xã Đ) tỉnh Lâm Đồng là tài sản riêng của ông C.

Do ông C chết không để lại di chúc nên chia tài sản trên theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông C cụ thể: giá trị nhà đất 7.573.942.608 đồng; được chia cho 04 kỷ phần 7.573.942.608 : 4 = 1.893.485.652 đồng, mỗi kỷ phần được hưởng là 1.893.485.652 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn có nguyện vọng được nhận hiện vật, bị đơn bà L cũng trình bày nếu được nhận hiện vật cũng không có khả năng thanh toán bằng tiền cho nguyên đơn và những người thuộc hàng thừa kế của ông C. Để đảm bảo nhu cầu sử dụng cũng như quyền lợi ích của các bên, cần sửa bản án sơ thẩm chia cho nguyên đơn chị T được nhận hiện vật là diện tích 533,8m^2 thuộc thửa 400, tờ bản đồ 78 (trong đó có 200m^2 đất ở và 333,8m^2 đất trồng cây lâu năm) trên đất có 01 căn nhà cấp 4, một số cây trồng trên đất và có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Q, bà L, anh T2 (do anh T2 đủ tuổi trưởng thành) mỗi người 01 kỷ phần là 1.893.485.652 đồng. Sau khi thanh toán xong giá trị kỷ phần cho anh Q, bà L, anh T2 thì chị T được trọn quyền, quản lý sử dụng và được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.3] Ngoài tài sản trên, trước khi chết ông Đỗ Hữu C có số tiền trong tài khoản số 5404205069880 chủ tài khoản ông Đỗ Hữu C là 80.921.522 đồng đồng, cũng như chế độ bảo hiểm xã hội tử tuất một lần đối với thân nhân của ông Đỗ Hữu C; mã số BHXH 6809001861, có tổng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đến hết tháng 12 năm 2021 là 12 năm 05 tháng với số tiền 84.913.610 đồng. Tòa án cấp sơ

thẩm đã chia số tiền này cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông C là chị T, bà L, anh Q, anh T2 mỗi người được hưởng một kỷ phần này là có căn cứ. Cụ thể:

Số tiền trong tài khoản số 5404205069880 chủ tài khoản ông Đỗ Hữu C là 80.921.522 : 4 = 20.230.380 đồng; mỗi kỷ phần được hưởng là 20.230.380 đồng và tiền lãi phát sinh (nếu có) và chế độ bảo hiểm xã hội tử tuất một lần đối với thân nhân của ông Đỗ Hữu C là 84.913.610 : 4 = 21.228.402 đồng; mỗi kỷ phần được hưởng là 21.228.402 đồng tiền lãi phát sinh (nếu có).

[3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của chị T, bà L được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bà L1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tính đến ngày xét xử phúc thẩm bà L1 trên 60 tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị Thu T, bà Trần Thị L.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L1.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Sửa Bản án sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng).

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng về sửa phần án phí.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản theo pháp luật"* với bị đơn bà Trần Thị L.

2.1 Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Đỗ Hữu C gồm: bà Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2.

2.2 Xác định di sản thừa kế ông Đỗ Hữu C để lại gồm:

2.2.1 Diện tích đất 533,8m^2 và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 cho ông Đỗ Hữu C có giá trị là 7.573.942.608 đồng.

Xác định 01 kỷ phần hàng thừa kế thứ nhất của ông C được nhận đối với di sản này là 7.573.942.608 : 4 = 1.893.485.652 đồng.

Buộc chị Đỗ Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Đức Q, bà Trần Thị L, anh Đỗ Trần Quyết T2 mỗi người 01 kỷ phần là 1.893.485.652 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giao diện tích đất 533.8m^2 và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận QSD đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019 đứng tên ông Đỗ Hữu C cho chị Đỗ Thị Thu T được trọn quyền sử dụng, sau khi thanh toán xong giá trị các kỷ phần cho bà L, anh Q, anh T2.

Chị Đỗ Thị Thu T được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi thanh toán xong giá trị các kỷ phần cho bà L, anh Q, anh T2.

2.2.2 Chế độ bảo hiểm xã hội tử tuất một lần đối với thân nhân của ông Đỗ Hữu C là 84.913.610 : 4 = 21.228.402 đồng; mỗi kỷ phần được hưởng là 21.228.402 đồng, lãi phát sinh (nếu có) và số tiền trong tài khoản số 5404205069880 chủ tài khoản ông Đỗ Hữu C là 80.921.522 : 4 = 20.230.380 đồng, lãi phát sinh (nếu có); mỗi kỷ phần được hưởng là 20.230.380 đồng.

Bà Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2 được liên hệ, tiến hành các thủ tục để nhận số tiền chế độ tử tuất một lần đối với thân nhân ông Đỗ Hữu C là 84.913.610 đồng theo mã số BHXH 6809001861 tại cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L5, tỉnh Lâm Đồng (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L5). Mỗi người được nhận 21.228.402 đồng, lãi phát sinh (nếu có).

Bà Trần Thị L, chị Đỗ Thị Thu T, anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2 được liên hệ, tiến hành các thủ tục để nhận số tiền là 80.921.522 đồng tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L4, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ngân hàng N chi nhánh L4). Mỗi người được nhận là 20.230.380 đồng, lãi phát sinh (nếu có).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1 về việc yêu cầu chia ½ di sản của ông Đỗ Hữu C để lại là diện tích đất 533,8m^2 và tài sản trên đất thuộc thửa đất 400, tờ bản đồ số 78, tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 456524 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 09-01-2019.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trần Thị L về việc yêu cầu thanh toán công sức đóng góp trong việc duy trì tài sản của ông Đỗ Hữu C để lại và yêu cầu thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 88.000.000 đồng; tiền chi phí mai táng của ông Đỗ Hữu C là 75.985.000 đồng.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này của đương sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

5. Về chi phí tố tụng:

Chị Đỗ Thị Thu T, bà Trần Thị L, anh Đỗ Trần Quyết T2, anh Đỗ Đức Q mỗi người phải chịu số tiền là 1.179.000 đồng (chị T đã nộp và quyết toán xong).

Buộc bà Trần Thị L, anh Đỗ Trần Quyết T2, anh Đỗ Đức Q mỗi người phải trả cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền 1.179.000 đồng.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Đỗ Thị Thu T phải chịu số tiền 70.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 20.610.000 đồng theo biên lai thu số 0003082 ngày 06-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng). Chị Đỗ Thị Thu T còn phải nộp số tiền 49.438.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu.

Buộc bà Trần Thị L phải chịu số tiền 70.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003222 ngày 19-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng); bà Trần Thị L còn phải nộp số tiền 59.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu.

Buộc anh Đỗ Đức Q và anh Đỗ Trần Quyết T2 mỗi người phải chịu số tiền là 70.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị L1. Hoàn trả cho bà Bùi Thị L1 số tiền 17.035.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003332 ngày 24-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Đỗ Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Đỗ Thị Thu T số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004700 ngày 14-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng).

Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004742 ngày 30-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng).

Bà Bùi Thị L1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị L1 số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004699 ngày 14-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng GĐ, KT, TT và THA;
- TAND KV3 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV3 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tâm